

Số: 353 /QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 9 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2023 - 2024**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**

*Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;*

*Căn cứ Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2020-2025;*

*Căn cứ vào Biên bản họp ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng xét miễn, giảm học phí chế độ chính sách sinh viên năm học 2023-2024;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2023 – 2024 cho **249** sinh viên hệ chính quy. Trong đó:

- Miễn học phí: 92 sinh viên.
- Giảm 70% học phí: 142 sinh viên.
- Giảm 50% học phí: 15 sinh viên.

*(có danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí kèm theo)*

**Điều 2.** Trưởng phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch - Tài chính và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Đại học Huế (để b/c);
- Lưu: VT, CTSV.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đoàn Đức Lương**

DANH SÁCH

Sinh viên được miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2023- 2024

(Kèm theo Quyết định số: 353 /QĐ-ĐHL ngày 9 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng)

I. MIỄN HỌC PHÍ

| STT | Mã SV      | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|-------------|----------------------|
| 1   | 20A5010165 | A Kiêng Thị     | Oanh   | 04/06/2001 | Luật K44    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 2   | 20A5010462 | Ksor Hờ         | Nia    | 11/07/2002 | Luật K44    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 3   | 20A5010484 | Nguyễn Thị      | Quỳnh  | 09/01/2002 | Luật K44    | Con TB-08            |
| 4   | 20A5010730 | Ating           | Duy    | 18/11/2001 | Luật K44    | DT - Hộ nghèo        |
| 5   | 20A5010764 | Ka              | Hằng   | 25/10/2002 | Luật K44    | Con TB-08            |
| 6   | 20A5010790 | Hồ Thị          | Hay    | 28/12/2002 | Luật K44    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 7   | 20A5011039 | Trần Bảo        | Ngọc   | 08/03/2002 | Luật K44    | Con TB-08            |
| 8   | 20A5011075 | Huỳnh Linh      | Nhi    | 01/10/2002 | Luật K44    | Khuyết tật           |
| 9   | 20A5011111 | Hồ Văn          | Phân   | 17/06/2000 | Luật K44    | Khuyết tật           |
| 10  | 20A5011435 | Nguyễn Hà       | Ngân   | 03/10/2002 | Luật K44    | Con TB-08            |
| 11  | 20A5011438 | Trần Thị Kiều   | Linh   | 12/09/2002 | Luật K44    | Con TB-08            |
| 12  | 20A5010847 | Bríu            | Hùng   | 19/12/2002 | Luật K44    | DT - Hộ nghèo        |
| 13  | 20A5020129 | Lâm Cẩm Thảo    | Nguyên | 13/08/2002 | LKT K44     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 14  | 20A5020175 | Lê Thị Kim      | Sum    | 27/05/2002 | LKT K44     | Con TB-08            |
| 15  | 20A5020187 | Phan Thị Thu    | Thảo   | 20/06/2001 | LKT K44     | Con TB-08            |
| 16  | 20A5020283 | Hoàng Thị Kim   | Cúc    | 10/06/2002 | LKT K44     | Con TB-08            |
| 17  | 20A5020518 | Hồ Thị Khánh    | Trang  | 02/02/2002 | LKT K44     | DT - Hộ nghèo        |
| 18  | 20A5020882 |                 | Ngan   | 20/12/2002 | LKT K44     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 19  | 20A5020937 | La Thị Cẩm      | Oanh   | 27/12/2002 | LKT K44     | Con mồ côi           |
| 20  | 20A5021066 | Nguyễn Thị Thùy | Thương | 03/11/2002 | LKT K44     | Con BB-08            |
| 21  | 21A5010066 | Hồ Thị Thu      | Quân   | 02/06/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 22  | 21A5010094 | Nguyễn Đăng     | Triều  | 13/06/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 23  | 21A5010151 | Nguyễn Quốc     | Khánh  | 01/09/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 24  | 21A5010225 | Nông Thị Bích   | Hiền   | 24/04/2003 | Luật K45    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 25  | 21A5010280 | Lê Thị Hồng     | Linh   | 17/03/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 26  | 21A5010293 | Hoàng Hoài      | Quý    | 01/12/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 27  | 21A5010375 | Lê Thị Ngọc     | Ánh    | 04/03/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 28  | 21A5010439 | Alăng           | Dâng   | 08/07/2003 | Luật K45    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 29  | 21A5010447 | Alăng Thị Lệ    | Đào    | 24/05/2003 | Luật K45    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 30  | 21A5010458 | Nông Thị        | Đẹp    | 28/01/2003 | Luật K45    | Con mồ côi           |

| STT | Mã SV      | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Khóa,<br>ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|----------------|----------------------|
| 31  | 21A5010582 | Vừ A            | Hồ     | 01/06/2001 | Luật K45       | DT - Hộ nghèo        |
| 32  | 21A5010754 | Lê Thị          | Lộc    | 25/06/2003 | Luật K45       | DT - Hộ nghèo        |
| 33  | 21A5011108 | Nguyễn Thị      | Thảo   | 07/10/2003 | Luật K45       | Con CBHĐKCCLNVQT     |
| 34  | 21A5011183 | Trần Thị Thu    | Trang  | 19/04/2003 | Luật K45       | Con TB-08            |
| 35  | 21A5011345 | Trần Thị        | Huyền  | 08/02/2003 | Luật K45       | Con TB-08            |
| 36  | 21A5020021 | Trần Thị Bảo    | Hạnh   | 17/04/2003 | LKT K45        | Khuyết tật           |
| 37  | 21A5020032 | Hoàng Văn       | Hùng   | 01/05/1999 | LKT K45        | Con TB-08            |
| 38  | 21A5020110 | Nguyễn Thị Thu  | Trang  | 14/02/2003 | LKT K45        | Con TB-08            |
| 39  | 21A5020165 | Lê Thị Thanh    | Hương  | 22/10/2003 | LKT K45        | Con TB-08            |
| 40  | 21A5020311 | Nguyễn Thị      | Thắm   | 27/07/2002 | LKT K45        | Con TB-08            |
| 41  | 21A5020724 | Trần Hồ Như     | Loan   | 23/12/2003 | LKT K45        | Con TB-08            |
| 42  | 21A5020820 | Trịnh Thị Kim   | Ngọc   | 27/04/2003 | LKT K45        | DT - Hộ nghèo        |
| 43  | 21A5021015 | Trần Mai Tuấn   | Tâm    | 11/09/2003 | LKT K45        | Con mồ côi           |
| 44  | 21A5021283 | Lê Hữu          | Tăng   | 03/09/2002 | LKT K45        | Khuyết tật           |
| 45  | 22A5010011 | Hồ Hoài         | Anh    | 25/10/2004 | Luật K46       | DT - Hộ nghèo        |
| 46  | 22A5010033 | Trần Hữu        | Công   | 07/03/2004 | Luật K46       | Con TB-08            |
| 47  | 22A5010128 | Hoàng Thị Mai   | Hương  | 07/08/2004 | Luật K46       | DT - Hộ nghèo        |
| 48  | 22A5010356 | Hồ Thị          | Thương | 15/07/2004 | Luật K46       | DT - Hộ nghèo        |
| 49  | 22A5010362 | Đinh Thị Thanh  | Thủy   | 01/10/2004 | Luật K46       | DT - Hộ nghèo        |
| 50  | 22A5010456 | Trần Thị Mỹ     | Châu   | 17/11/2004 | Luật K46       | DT - Hộ nghèo        |
| 51  | 22A5010551 | Ksor            | Khiết  | 05/11/2004 | Luật K46       | DT - Hộ cận nghèo    |
| 52  | 22A5010563 | Lý Văn          | Lầu    | 28/07/2002 | Luật K46       | DT - Hộ cận nghèo    |
| 53  | 22A5010566 | Ksor H          | Li     | 12/04/2004 | Luật K46       | DT - Hộ nghèo        |
| 54  | 22A5010592 | Phạm Đức        | Mạnh   | 04/04/2004 | Luật K46       | Khuyết tật           |
| 55  | 22A5010604 | H Dung          | My     | 23/12/2004 | Luật K46       | DT - Hộ nghèo        |
| 56  | 22A5010778 | Vì Văn          | Tú     | 12/10/2003 | Luật K46       | DT - Hộ cận nghèo    |
| 57  | 22A5010826 | H' Him          | Mlô    | 08/03/2002 | Luật K46       | DT - Hộ cận nghèo    |
| 58  | 22A5020006 | Huỳnh Thị Bình  | An     | 20/12/2004 | LKT K46        | Khuyết tật           |
| 59  | 22A5020132 | Trần Phương     | Hiền   | 05/01/2004 | LKT K46        | Con TB-08            |
| 60  | 22A5020287 | Lê Thị          | Nguyện | 28/09/2004 | LKT K46        | Con CB HĐKCNCĐHH     |
| 61  | 22A5020304 | Phạm Thanh      | Nhi    | 26/08/2004 | LKT K46        | Con mồ côi           |
| 62  | 22A5020362 | Đinh Thị        | Sợi    | 03/07/2004 | LKT K46        | DT - Hộ cận nghèo    |
| 63  | 22A5020401 | A               | Thiệt  | 20/01/2004 | LKT K46        | DT - Hộ cận nghèo    |
| 64  | 22A5020402 | Hồ Thị          | Thim   | 01/03/2004 | LKT K46        | DT - Hộ nghèo        |
| 65  | 23A5010066 | Nguyễn Tấn Sơn  | Ca     | 16/03/2004 | Luật K47       | Con TB-08            |
| 66  | 23A5010076 | Lê Thị Bảo      | Châu   | 21/07/2004 | Luật K47       | Khuyết tật           |
| 67  | 23A5010082 | Mai Thị Ngọc    | Chi    | 30/01/2004 | Luật K47       | Khuyết tật           |
| 68  | 23A5010098 | Vì Thành        | Đạt    | 23/04/2005 | Luật K47       | DT - Hộ cận nghèo    |
| 69  | 23A5010102 | Zơ Râm Hiền     | Diễn   | 26/12/2004 | Luật K47       | DT - Hộ nghèo        |
| 70  | 23A5010134 | Nguyễn Thị Thùy | Dương  | 14/06/2004 | LKT K47        | Khuyết tật           |

| STT | Mã SV      | Họ và tên       |               | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-----------------|---------------|------------|-------------|----------------------|
| 71  | 23A5010059 | K'              | <b>Biêng</b>  | 23/10/2003 | Luật K47    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 72  | 23A5010135 | Rơ Châm         | <b>Duyệt</b>  | 06/11/2005 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 73  | 23A5010163 | Đặng Thị        | <b>Hạ</b>     | 01/01/2005 | Luật K47    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 74  | 23A5010220 | Lê Việt         | <b>Hoàng</b>  | 16/10/2005 | Luật K47    | Con TB-08            |
| 75  | 21A5010257 | Lò Văn          | <b>Quốc</b>   | 28/06/2002 | Luật K45    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 76  | 23A5010649 | Nguyễn Thị      | <b>Sữa</b>    | 20/10/2005 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 77  | 23A5010588 | Lê Thị Hoài     | <b>Phương</b> | 14/10/2005 | Luật K47    | Con TB-08            |
| 78  | 23A5010713 | A Viết          | <b>Thìn</b>   | 24/03/2003 | Luật K47    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 79  | 23A5010722 | Nguyễn Thị      | <b>Thoa</b>   | 30/04/2005 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 80  | 23A5010839 | Nguyễn Hoàng Tổ | <b>Uyên</b>   | 15/05/2005 | Luật K47    | Khuyết tật           |
| 81  | 23A5010890 | Nguyễn Chí      | <b>Vỹ</b>     | 30/07/2005 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 82  | 23A5010899 | Siu H'          | <b>Ý</b>      | 11/05/2005 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 83  | 23A5010915 | Kring           | <b>Mỹ</b>     | 25/03/2004 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 84  | 23A5020088 | Nông Đức        | <b>Chí</b>    | 22/06/2004 | LKT K47     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 85  | 23A5020092 | Nông Thị Hồng   | <b>Chuyên</b> | 26/01/2005 | LKT K47     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 86  | 23A5020176 | Puih            | <b>Hàn</b>    | 15/11/2005 | LKT K47     | DT - Hộ nghèo        |
| 87  | 23A5020318 | Võ Quốc         | <b>Lâm</b>    | 18-10-2004 | LKT K47     | Con TB-08            |
| 88  | 23A5020660 | Hoàng Anh       | <b>Thư</b>    | 20/07/2005 | LKT K47     | Khuyết tật           |
| 89  | 23A5020697 | Phạm Thị        | <b>Tình</b>   | 20/03/2005 | LKT K47     | Con TB-08            |
| 90  | 23A5020724 | Võ Thị Thu      | <b>Trang</b>  | 10/04/2005 | LKT K47     | Con TB-08            |
| 91  | 23A5020744 | Phạm Thị        | <b>Trọng</b>  | 16/03/2005 | LKT K47     | Con TB-08            |
| 92  | 23A5020830 | Hồ Thị          | <b>Chung</b>  | 05/09/2003 | LKT K47     | DT - Hộ cận nghèo    |

(Có 92 sinh viên được miễn học phí)

## II. GIẢM 70% HỌC PHÍ

| STT | Mã SV      | Họ và tên    |               | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|--------------|---------------|------------|-------------|----------------------|
| 1   | 20A5010051 | Hồ Văn       | <b>Hải</b>    | 20/10/1999 | Luật K44    | DT - 135             |
| 2   | 20A5010054 | Y Lê         | <b>Hằng</b>   | 06/02/2002 | Luật K44    | DT - 135             |
| 3   | 20A5010179 | Nguyễn Hoàng | <b>Salana</b> | 01/01/2002 | Luật K44    | DT - 135             |
| 4   | 20A5010340 | Nguyễn Thị   | <b>Hà</b>     | 27/02/2002 | Luật K44    | DT - 135             |
| 5   | 20A5010392 | Ksor         | <b>Khôi</b>   | 19/10/2001 | Luật K44    | DT - 135             |
| 6   | 20A5010497 | K Sor        | <b>Thanh</b>  | 02/01/2002 | Luật K44    | DT - 135             |
| 7   | 20A5010651 | Rơ Châm      | <b>Bluri</b>  | 17/09/2002 | Luật K44    | DT - 135             |
| 8   | 20A5010659 | Ksor H'      | <b>Chat</b>   | 03/12/2002 | Luật K44    | DT - 135             |
| 9   | 20A5010744 |              | <b>Duyệt</b>  | 02/08/2002 | Luật K44    | DT - 135             |
| 10  | 20A5010840 | H- Hân Niê   | <b>Hrah</b>   | 18/09/2001 | Luật K44    | DT - 135             |
| 11  | 20A5010845 | Trần Mạnh    | <b>Hùng</b>   | 08/11/2002 | Luật K44    | DT - 135             |
| 12  | 20A5010892 | Ksor Hoài    | <b>Khiêm</b>  | 28/04/2002 | Luật K44    | DT - 135             |
| 13  | 20A5011038 | Ksor         | <b>Nghiều</b> | 18/08/2002 | Luật K44    | DT - 135             |
| 14  | 20A5011092 | Ksor H'      | <b>Nhung</b>  | 22/12/2002 | Luật K44    | DT - 135             |

| STT | Mã SV      | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Khóa,<br>ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|----------------|--------|------------|----------------|----------------------|
| 15  | 20A5011101 | Hồ Văn         | Ny     | 04/07/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 16  | 20A5011110 | H An Wi        | Ông    | 23/05/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 17  | 20A5011126 | Rơ Lan         | Phúi   | 17/08/2000 | Luật K44       | DT - 135             |
| 18  | 20A5011153 | Siu            | Quang  | 26/05/2001 | Luật K44       | DT - 135             |
| 19  | 20A5011160 | Ksor           | Quyên  | 24/01/2001 | Luật K44       | DT - 135             |
| 20  | 20A5011168 | Hồ Thị Diễm    | Quỳnh  | 10/01/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 21  | 20A5011177 | Đinh           | Ri     | 12/11/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 22  | 20A5011245 | Rcom H'        | Thu    | 13/02/2001 | Luật K44       | DT - 135             |
| 23  | 20A5011246 | Alăng Thị      | Thu    | 21/12/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 24  | 20A5011276 | Ksor Hờ        | Thủy   | 05/03/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 25  | 20A5011311 | Nguyễn Thị Thu | Trang  | 22/08/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 26  | 20A5011347 | Rôđêl          | Tự     | 18/10/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 27  | 20A5011356 | Rơ Mah         | Tuên   | 12/09/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 28  | 20A5011412 | Siu            | Won    | 06/12/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 29  | 20A5011429 | Nay H'         | Yuanh  | 24/03/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 30  | 20A5011453 | Ksor Hờ        | Yên    | 20/01/2002 | Luật K44       | DT - 135             |
| 31  | 20A5020211 | Đinh Thị       | Trung  | 14/12/2001 | LKT K44        | DT - 135             |
| 32  | 20A5020602 | H'Ri A         | Bkrông | 04/11/2002 | LKT K44        | DT - 135             |
| 33  | 20A5021040 | Đinh Thị Bích  | Thảo   | 10/11/2002 | LKT K44        | DT - 135             |
| 34  | 20A5021146 | Nghiêm Thị     | Vân    | 26/07/2002 | LKT K44        | DT - 135             |
| 35  | 20A5021201 | Hồ Thị         | Tiên   | 30/10/2002 | LKT K44        | DT - 135             |
| 36  | 20A5011050 | Đinh Thị       | Nguyên | 22/10/2002 | Luật K45       | DT - 135             |
| 37  | 21A5010007 | H - Ngân       | Ayun   | 03/05/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 38  | 21A5010013 | Lê Hồng        | Đức    | 03/03/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 39  | 21A5010043 | Rơ Châm Nhật   | Nga    | 08/06/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 40  | 21A5010057 | Siu H'         | Nina   | 07/11/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 41  | 21A5010064 | Nguyễn Hiếu    | Phương | 02/10/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 42  | 21A5010101 | Siu            | Uôn    | 31/12/2000 | Luật K45       | DT - 135             |
| 43  | 21A5010166 | Nay            | Quyết  | 30/04/2002 | Luật K45       | DT - 135             |
| 44  | 21A5010172 | Hồ Văn         | Sỹ     | 04/05/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 45  | 21A5010180 | Hồ Văn         | Tính   | 14/09/2001 | Luật K45       | DT - 135             |
| 46  | 21A5010204 | Triệu Trung    | Kiên   | 15/04/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 47  | 21A5010315 | Puih H' Mỹ     | Linh   | 28/05/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 48  | 21A5010482 | Đinh Văn       | Dum    | 01/06/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 49  | 21A5010499 | Hồ Nhân        | Dũng   | 16/02/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 50  | 21A5010525 | A              | Gió    | 25/06/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 51  | 21A5010765 | Vi Văn         | Lực    | 08/01/2002 | Luật K45       | DT - 135             |
| 52  | 21A5010796 | Ksor H'        | Mười   | 16/09/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 53  | 21A5010880 | Quang Cẩm      | Nhi    | 07/11/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 54  | 21A5010950 | Coor           | Phúc   | 28/03/2003 | Luật K45       | DT - 135             |

| STT | Mã SV      | Họ và tên              |                | Ngày sinh  | Khóa,<br>ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|------------------------|----------------|------------|----------------|----------------------|
| 55  | 21A5010963 | Hồ Thị                 | <b>Phụng</b>   | 18/02/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 56  | 21A5011214 | Phạm Huỳnh Anh         | <b>Trung</b>   | 14/05/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 57  | 21A5011318 | Siu                    | <b>H' Uyên</b> | 07/08/2002 | Luật K45       | DT - 135             |
| 58  | 21A5011330 | Đinh Thị               | <b>Nguyệt</b>  | 16/08/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 59  | 21A5020028 | Vy Thị Diệu            | <b>Hoà</b>     | 14/11/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 60  | 21A5020043 | Nông Thị               | <b>Lan</b>     | 22/06/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 61  | 21A5020049 | Rcom H                 | <b>Lisa</b>    | 10/06/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 62  | 21A5020187 | Alê Hờ Sun             | <b>Ny</b>      | 26/06/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 63  | 21A5020361 | Hồ Thị Hồng            | <b>Ánh</b>     | 01/09/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 64  | 21A5020645 | Ô Lý Y Sun             | <b>Ju</b>      | 19/05/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 65  | 21A502764  | Mai Thị Trà            | <b>My</b>      | 27/08/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 66  | 22A5010026 | Nay                    | <b>H' Châm</b> | 24/10/2003 | Luật K46       | DT - 135             |
| 67  | 22A5010036 | Hồ Văn                 | <b>Cừu</b>     | 01/04/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 68  | 22A5010070 | Y Bắc                  | <b>Êñuôl</b>   | 23/06/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 69  | 22A5010071 | Hà                     | <b>Giảm</b>    | 24/02/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 70  | 22A5010089 | K'sor                  | <b>Hanh</b>    | 28/11/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 71  | 22A5010096 | Mai Thị Thu            | <b>Hiền</b>    | 18/08/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 72  | 22A5010124 | Trần Lê Việt           | <b>Hùng</b>    | 17/11/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 73  | 22A5010143 | Siu                    | <b>Ju ki</b>   | 22/06/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 74  | 22A5010148 | A                      | <b>Khoa</b>    | 04/05/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 75  | 22A5010189 | Hồ Thị Yến             | <b>Ly</b>      | 25/07/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 76  | 22A5010192 | Y Mai                  | <b>Ly</b>      | 25/10/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 77  | 22A5010199 | Rơ Châm                | <b>Mìn</b>     | 14/02/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 78  | 22A5010203 | H Ja Na                | <b>Mlô</b>     | 28/11/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 79  | 22A5010204 | H' Trắng               | <b>Mlô</b>     | 08/02/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 80  | 22A5010225 | Lê Văn                 | <b>Nghé</b>    | 02/08/2003 | Luật K46       | DT - 135             |
| 81  | 22A5010227 | Ksor                   | <b>Nghiệp</b>  | 08/08/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 82  | 22A5010235 | La O Thị Thu           | <b>Nguyệt</b>  | 20/02/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 83  | 22A5010261 | Y Diên                 | <b>Niê</b>     | 02/06/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 84  | 22A5010268 | Rơ Châm                | <b>Phí</b>     | 25/07/2002 | Luật K46       | DT - 135             |
| 85  | 22A5010295 | Rơ Lan                 | <b>Quyên</b>   | 26/05/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 86  | 22A5010320 | Rơ Mah                 | <b>Thái</b>    | 09/11/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 87  | 22A5010342 | Sùng A                 | <b>Thì</b>     | 11/03/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 88  | 22A5010373 | Hồ Thị                 | <b>Tình</b>    | 04/06/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 89  | 22A5010374 | Nguyễn Đức             | <b>Tình</b>    | 02/08/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 90  | 22A5010424 | Đoàn Thị Kim Thảo Buôn | <b>Yă</b>      | 15/08/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 91  | 22A5010446 | Phạm Thị Ngọc          | <b>Ánh</b>     | 20/12/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 92  | 22A5010462 | Hồ Thủy                | <b>Chung</b>   | 13/10/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 93  | 22A5010468 | Lê Thị                 | <b>Đào</b>     | 15/01/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 94  | 22A5010543 | Nay                    | <b>H'yui</b>   | 19/11/2001 | Luật K46       | DT - 135             |

| STT | Mã SV      | Họ và tên        |               | Ngày sinh  | Khóa,<br>ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|------------------|---------------|------------|----------------|----------------------|
| 95  | 22A5010557 | Lương Thúy       | <b>Kiều</b>   | 29/04/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 96  | 22A5010589 | Quách Thị Thanh  | <b>Mai</b>    | 28/05/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 97  | 22A5010627 | Hồ Đình          | <b>Ngọc</b>   | 01/10/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 98  | 22A5010684 | Rơ Châm          | <b>Phyui</b>  | 02/04/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 99  | 22A5010764 | Rơ Mah Thị Huyền | <b>Trang</b>  | 12/09/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 100 | 22A5010822 | Ksor             | <b>Hiệp</b>   | 15/07/2003 | Luật K46       | DT - 135             |
| 101 | 22A5020028 | Vi Tuấn          | <b>Anh</b>    | 15/05/2003 | LKT K46        | DT - 135             |
| 102 | 22A5020305 | Nông Thị Hồng    | <b>Nhi</b>    | 08/07/2004 | LKT K46        | DT - 135             |
| 103 | 22A5020327 | Hồ Tựa Xuân      | <b>Phong</b>  | 09/01/2004 | LKT K46        | DT - 135             |
| 104 | 22A5020426 | Puih             | <b>Thương</b> | 10/12/2004 | LKT K46        | DT - 135             |
| 105 | 22A5020488 | Trần Quốc        | <b>Việt</b>   | 28/11/2004 | LKT K46        | DT - 135             |
| 106 | 22A5020531 | Lương Thị Ngọc   | <b>Ánh</b>    | 15/06/2004 | LKT K46        | DT - 135             |
| 107 | 22A5020641 | Hồ Trương Thị Ly | <b>Na</b>     | 30/07/2004 | LKT K46        | DT - 135             |
| 108 | 22A5020677 | Nguyễn Thị Thanh | <b>Nhiên</b>  | 04/06/2004 | LKT K46        | DT - 135             |
| 109 | 22A5020766 | Lê Thị Kiều      | <b>Trang</b>  | 11/11/2004 | LKT K46        | DT - 135             |
| 110 | 22A5020798 | Hồ Thị Ngọc      | <b>Xoan</b>   | 22/02/2004 | LKT K46        | DT - 135             |
| 111 | 23A5010068 | Arát Mai Gia     | <b>Chấn</b>   | 05/01/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 112 | 23A5010073 | Đinh Văn         | <b>Châu</b>   | 21/03/2003 | Luật K47       | DT - 135             |
| 113 | 23A5010192 | Siu              | <b>Hao</b>    | 31/01/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 114 | 23A5010198 | Lý Thị           | <b>Hiền</b>   | 10/08/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 115 | 23A5010238 | Hồ Quốc          | <b>Hùng</b>   | 07/01/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 116 | 23A5010357 | Phạm Tùng        | <b>Linh</b>   | 18/04/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 117 | 23A5010403 | Y-jơ             | <b>Man</b>    | 16/08/2004 | Luật K47       | DT - 135             |
| 118 | 23A5010479 | Zơ Râm Thị Bích  | <b>Ngọc</b>   | 24/04/2004 | Luật K47       | DT - 135             |
| 119 | 23A5010630 | Pơ Loong         | <b>Quỳnh</b>  | 12/02/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 120 | 23A5010646 | Đinh A Ngắt      | <b>Sơn</b>    | 04/06/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 121 | 23A5010670 | Lường Ngọc       | <b>Thắng</b>  | 27/10/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 122 | 23A5010680 | Poloong          | <b>Thành</b>  | 24/12/2004 | Luật K47       | DT - 135             |
| 123 | 23A5010689 | Trương Thị       | <b>Thảo</b>   | 04/01/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 124 | 23A5010690 | Đinh Thị Thiên   | <b>Thảo</b>   | 12/04/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 125 | 23A5010741 | Hồ Ngọc          | <b>Thương</b> | 11/10/2004 | Luật K47       | DT - 135             |
| 126 | 23A5010801 | A Lăng Minh      | <b>Trí</b>    | 26/03/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 127 | 23A5010820 | Hồ Lê Kỳ         | <b>Trung</b>  | 14/03/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 128 | 23A5010879 | Vi Thị Hà        | <b>Vy</b>     | 07/07/2005 | Luật K47       | DT - 135             |
| 129 | 23A5010909 | A Viết           | <b>Doanh</b>  | 27/12/2004 | Luật K47       | DT - 135             |
| 130 | 23A5010917 | Tơ Đênh          | <b>Phôn</b>   | 29/08/2004 | Luật K47       | DT - 135             |
| 131 | 23A5010920 | A Rát            | <b>Thọ</b>    | 25/03/2004 | Luật K47       | DT - 135             |
| 132 | 23A5010924 | A Lăng           | <b>Trọng</b>  | 02/04/2004 | Luật K47       | DT - 135             |
| 133 | 23A5020019 | Bùi Minh         | <b>Anh</b>    | 31/03/2005 | LKT K47        | DT - 135             |
| 134 | 23A5020237 |                  | <b>H'Trâm</b> | 27/03/2005 | LKT K47        | DT - 135             |

| STT | Mã SV      | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|-------------|----------------------|
| 135 | 23A5020368 | Giàng A           | Ly     | 01/09/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 136 | 23A5020388 | H- Doan           | MLô    | 23/04/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 137 | 23A5020580 | Hồ Tấn            | Sang   | 12/07/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 138 | 23A5020687 | Phơ Loong Thị Như | Thuyền | 16/09/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 139 | 23A5020734 | Hồ Bá             | Triều  | 31/08/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 140 | 23A5020829 | Rapát Thị         | Ana    | 01/02/2004 | LKT K47     | DT - 135             |
| 141 | 23A5020832 | Rơ Mal            | H'vy   | 13/10/2004 | LKT K47     | DT - 135             |
| 142 | 23A5020833 | Y                 | Trúc   | 12/08/2003 | LKT K47     | DT - 135             |

*(Có 142 sinh viên được giảm 70% học phí)*

### III. GIẢM 50% HỌC PHÍ

| STT | Mã SV      | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|------------------|-------|------------|-------------|----------------------|
| 1   | 20A5011078 | Võ Thị Yến       | Nhi   | 08/02/2002 | Luật K44    | Con CBTNLD           |
| 2   | 20A5020202 | Hoàng Thị Khánh  | Trà   | 16/01/2002 | LKT K44     | Con CBTNLD           |
| 3   | 20A5020732 | Bùi Khánh        | Hoàng | 14/12/2002 | LKT K44     | Con CBTNLD           |
| 4   | 21A5010144 | Nguyễn Minh      | Hung  | 24/01/2003 | Luật K45    | Con CBTNLD           |
| 5   | 21A5010286 | Vũ Phan Thanh    | Thủy  | 25/11/2003 | Luật K45    | Con CBTNLD           |
| 6   | 21A5020249 | Nguyễn Công      | Thành | 13/09/2000 | LKT K45     | Con CBTNLD           |
| 7   | 21A5021250 | Nguyễn Văn       | Hiếu  | 10/01/2002 | LKT K45     | Con CBTNLD           |
| 8   | 22A5020001 | Lê Duy           | An    | 01/06/2004 | LKT K46     | Con CBTNLD           |
| 9   | 22A5020338 | Lê Minh          | Quân  | 28/08/2004 | LKT K46     | Con CBTNLD           |
| 10  | 22A5020533 | Phạm Hoàng Thiên | Bảo   | 28/11/1004 | LKT K46     | Con CBTNLD           |
| 11  | 23A5010347 | Vương Thị Khánh  | Linh  | 01/01/2005 | Luật K47    | Con CBTNLD           |
| 12  | 23A5010452 | Trịnh Bích       | Ngân  | 15/10/2005 | Luật K47    | Con CBTNLD           |
| 13  | 23A5010641 | Lê Hoàng         | Sang  | 31/08/2005 | Luật K47    | Con CBTNLD           |
| 14  | 23A5020057 | Nguyễn Hoàng     | Bảo   | 03/01/2005 | LKT K47     | Con CBTNLD           |
| 15  | 23A5020822 | Nguyễn Thị Hải   | Yến   | 03/08/2005 | LKT K47     | Con CBTNLD           |

*(Có 15 sinh viên được giảm 50% học phí)*